

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**  
**BÁO CÁO QUERIES REPORT #8.01**  
**HỆ THỐNG SAP B1 THUỘC HÒA BÌNH GROUP**

**Mã Nhóm Tài Liệu:** Nhóm 5 - Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Báo Cáo Queries Report  
**Mã Hiệu Tài Liệu:** 5080100201  
**Ngày Lập Tài Liệu:** 12.08.2022  
**Tình Trạng:** Còn hiệu lực - Đang áp dụng  
**Áp Dụng Đối Với:** Phần mềm Quản Lý Nguồn Lực Doanh Nghiệp SAP Business One 10.0, PL02  
**Tên Tài Liệu:** Hướng Dẫn Sử Dụng Báo Cáo Queries Report #8.01 tại SAP B1 [HBG]

### 1. Đối Tượng của Tài Liệu

1.1. Đối tượng của Tài Liệu này là Báo Cáo Queries Report có Mã Số “8.01”, Tên gọi “Bảng tra cứu tồn kho hàng hóa hiện tại” trong hệ thống SAP B1 của các Trạm thuộc [HBG] (sau đây gọi tắt là “Báo cáo Queries Report #8.01”)

1.2. Báo cáo Queries Report #8.01 được truy cập theo đường dẫn thao tác, như sau: [Tools] → [Queries] → [User Queries] → [08. General Info-Dataset] → [8.01. Bảng tra cứu tồn kho hàng hóa hiện tại]

### 2. Hướng dẫn khai báo Biến Đầu Vào của Báo Cáo

Báo cáo Queries Report #8.01 là loại Báo cáo trích xuất dữ liệu liên tục và hoàn toàn nhưng không tự động phát sinh khi người dùng kích hoạt. Dữ liệu của Báo cáo được thể hiện phụ thuộc vào việc khai báo Biến Đầu Vào theo định nghĩa sau:

2.1. **Biến Đầu Vào [Group Name]:** Nhóm Sản Phẩm chứa các Sản Phẩm cần xem thông tin. Người dùng được yêu cầu khai báo thông tin tại Biến này theo đúng định nghĩa về các Nhóm Sản Phẩm trong hệ thống SAP B1 của trạm mình. Người dùng có thể ấn phím “Tab” khi diêm nháy chuột đang ở vị trí của Biến này để xem danh sách Nhóm Sản Phẩm khả dụng. Biến Đầu Vào này chấp nhận để trống thông tin và sẽ được hiểu rằng giá trị được chọn là tất cả các giá trị hiện có của hệ thống.

2.2. **Biến Đầu Vào [Manufacturer Name]:** Thương Hiệu Sản Phẩm chứa các Sản Phẩm cần xem thông tin. Người dùng được yêu cầu khai báo thông tin tại Biến này theo đúng định nghĩa về các Thương Hiệu Sản Phẩm trong hệ thống SAP B1 của trạm mình. Người dùng có thể ấn phím “Tab” khi diêm nháy chuột đang ở vị trí của Biến này để xem danh sách Thương Hiệu Sản Phẩm khả dụng. Biến Đầu Vào này chấp nhận để trống thông tin và sẽ được hiểu rằng giá trị được chọn là tất cả các giá trị hiện có của hệ thống.

**Ví dụ:** Người dùng muốn xem dữ liệu về Bảng tra cứu tồn kho hàng hóa hiện tại đối với các Sản Phẩm thuộc Nhóm Sản Phẩm, là “01\_Động cơ dầu” và Thương Hiệu Sản Phẩm, là “FPT”, thì việc khai báo Biến Đầu Vào lần lượt, là:

- [Group Name] = 01\_Động cơ dầu
- [Manufacturer Name] = FPT

### 3. Hướng dẫn đọc hiểu Dữ Liệu của Báo Cáo

Báo cáo Queries Report #8.01 thể hiện thông tin dưới dạng Bảng dữ liệu dạng thô theo cột và dòng. Tiêu đề của mỗi Cột là đại diện cho thông tin của các Dòng được thể hiện trong đó, cụ thể như sau:

**3.1. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemNo]**, là Mã Sản Phẩm thuộc Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm.

**3.2. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemName]**, là Tên Sản Phẩm thuộc Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm.

**3.3. Dòng thông tin thuộc Cột [OldorNew]**, là Tình Trạng của Sản Phẩm. Thông tin này chỉ nhận một trong hai cách thể hiện: (i). “Đã qua sử dụng” = Sản Phẩm Cũ/Đã qua sử dụng; (ii). Thông tin được để trống = Sản Phẩm Mới 100% chưa qua sử dụng. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Additional Identifier] thuộc Bảng phụ [General] trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

**3.4. Dòng thông tin thuộc Cột [MfrCatalogNo]**, là Mã Quản Lý Sản Phẩm theo Nhà Sản Xuất thuộc Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Mfr Catalog No.] thuộc Bảng phụ [Purchasing Data] trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

**3.5. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemGroup]**, là Nhóm của Sản Phẩm được phân loại tại Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Item Group] thuộc Bảng chính trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

**3.6. Dòng thông tin thuộc Cột [ItemBrand]**, là Thương Hiệu của Sản Phẩm được phân loại tại Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Manufacturer] thuộc Bảng phụ [General] trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

**3.7. Dòng thông tin thuộc Cột [ProcurementBy]**, là Hình Thức ghi nhận đầu vào của Sản Phẩm tại Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Thông tin này chỉ nhận một trong hai cách thể hiện: (i). “Buy” = Sản Phẩm được Mua Vào; (ii). “Make” = Sản Phẩm được Sản Xuất. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Procurement Method] thuộc Bảng phụ [Planning Data] trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

**3.8. Dòng thông tin thuộc Cột [VATTexasBuy]**, là Mã Thuế Suất của Sản Phẩm khi được mua vào tại Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Tax Group] thuộc Bảng phụ [Purchasing Data] trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

**3.9. Dòng thông tin thuộc Cột [VATTexasSell]**, là Mã Thuế Suất của Sản Phẩm khi được bán ra tại Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [Tax Group] thuộc Bảng phụ [Sales Data] trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

**3.10. Dòng thông tin thuộc Cột [StockUoM]**, là Đơn vị Tính trong quản lý tồn kho của Sản Phẩm tại Cơ Sở Dữ Liệu Chung về Sản Phẩm (“Item Master Data”) được định nghĩa trong hệ thống SAP B1 của Trạm. Người dùng có thể tra cứu thông tin này tại Trường [UoM Name] thuộc Bảng phụ [Inventory Data] trong Nghiệp vụ [Item Master Data] của Module [Inventory]

**3.11. Dòng thông tin thuộc Cột [InStock]**, là Số Lượng thực tế tồn kho tương ứng với từng dòng Mã Sản Phẩm tại tất cả kho hàng ngay thời điểm thực thi báo cáo.

**3.12. Dòng thông tin thuộc Cột [Committed]**, là Số Lượng dự kiến sẽ sử dụng tương ứng với từng dòng Mã Sản Phẩm tại tất cả kho hàng ngay thời điểm thực thi báo cáo. Giá trị này là Tổng Số Lượng ở trạng thái “Open” của Mã Sản Phẩm được khởi tạo tại các nghiệp vụ [Sales Order], [Goods Return Request] và [Production Order].

**3.13. Dòng thông tin thuộc Cột [Available]**, là Giá trị = Giá trị thuộc Cột [InStock] + Giá trị thuộc Cột [Ordered] - Giá trị thuộc Cột [Committed] tương ứng với từng dòng Mã Sản Phẩm.

**3.14. Dòng thông tin thuộc Cột [IsSellItem]**, là Sự Phân Loại của Sản Phẩm vào loại hàng hóa được thực hiện các nghiệp vụ bán hàng. Thông tin này chỉ nhận một trong hai cách thể hiện: (i). “Y” = Sản Phẩm được phép bán hàng; (ii). “N” = Sản Phẩm không được phép bán hàng

**3.15. Dòng thông tin thuộc Cột [IsBuyItem]**, là Sự Phân Loại của Sản Phẩm vào loại hàng hóa được thực hiện các nghiệp vụ mua hàng. Thông tin này chỉ nhận một trong hai cách thể hiện: (i). “Y” = Sản Phẩm được phép mua hàng; (ii). “N” = Sản Phẩm không được phép mua hàng

Mọi thắc mắc hoặc xử lý sự cố kỹ thuật có liên quan, xin vui lòng liên hệ theo thông tin bên dưới:

**- Thông tin liên hệ 1:**

Họ Tên: Lê Minh Đăng,

Email: [dang.le@hbc.com.vn](mailto:dang.le@hbc.com.vn),

Điện Thoại: +84.909.5358.22;

**- Thông tin liên hệ 2:**

Họ Tên: Nguyễn Hoàng Phong,

Email: [phong.nguyen@hbc.com.vn](mailto:phong.nguyen@hbc.com.vn),

Điện Thoại: +84.907.67.3020

-----\*\*\*-----